

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/DS-ST

Ngày 14/8/2024

*“Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Bích

2. Ông Trần Tấn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2024/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T

Địa chỉ: Tổ F, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn L1, sinh năm 1971 (Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024). Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: 1. Ông Trần Văn K, sinh năm 1978. Có mặt

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979. Có đơn xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ H, ấp L, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1979. Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ F, khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T do ông Ngô Văn L1 làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Từ tháng 4/2018 ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D có mua vật tư thủy sản của H kinh doanh cá thể Thu T, trong quá trình thực hiện việc mua bán thì ông K bà D có trả tiền và có nợ lại. Đến ngày 13/02/2023 ông K bà D có làm bản cam kết tại nhà bà Hà Thị Thu T với số nợ là 2.375.745.250 đồng. Trong bản cam kết ông K bà D đã xác nhận công nợ đến ngày 18/01/2023 và cam kết sẽ thanh toán dứt điểm công nợ của vụ nuôi tôm mới (Chậm nhất trong ba tháng) đồng thời mỗi vụ sẽ thanh toán thêm 200.000.000 đồng trong phần nợ cũ. Tổng công nợ tính đến ngày 22/7/2023 là 2.755.479.250 đồng, từ đó ông K bà D không thanh toán nợ mặc dù đã yêu cầu trả nợ nhiều lần.

Tại phiên tòa hôm nay ông Ngô Văn L1 đại diện cho ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D trả số nợ 2.755.479.250 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/7/2023 đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Trần Văn K trình bày:

Ông thừa nhận ông và bà Nguyễn Thị D có mua vật tư thủy sản của hộ kinh doanh Thu T để nuôi tôm, ông thừa nhận còn nợ hộ kinh doanh Thu T số tiền 2.755.479.250 đồng như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên do nuôi tôm thất không có khả năng trả số tiền nên xin trả dần số nợ gốc. Còn đối với phần lãi suất ông xin không trả lãi vì không có khả năng trả.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/7/2024 bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà thừa nhận vợ chồng bà có mua vật tư thủy sản và có nợ số tiền như nguyên đơn trình bày. Bà thống nhất theo ý kiến của ông K là xin trả dần số nợ gốc và xin không trả lãi.

Ngày 29/7/2024 bà Nguyễn Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Thu T trình bày: Bà là người trực tiếp ký cam kết và ký hoá đơn trao đổi mua bán với ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D, đến nay ông K và bà D còn nợ hộ kinh doanh Thu T số tiền 2.755.479.250 đồng.

Bà Hà Thị Thu T xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đúng trình tự theo quy định.

Nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giao dịch được điều chỉnh tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu Thúy:

Đối với yêu cầu số nợ gốc 2.755.479.250 đồng: Ông Trần Văn K và Nguyễn Thị D có mua vật tư thủy sản nuôi tôm của hộ kinh doanh cá thể Thu T, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 22/7/2023 ông K bà D còn nợ số tiền 2.755.479.250 đồng, ông K và bà D cũng thừa nhận và đồng ý trả số nợ này nhưng do nuôi tôm thất kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả 01 lần và xin được trả dần. Vì vậy việc ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T yêu cầu ông K và bà D trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Ông K bà D xin không trả lãi Hội đồng xét xử không chấp nhận, bởi lẽ nguyên đơn không chấp nhận giảm lãi và việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự. Do ông K bà D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả, các đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để xác định mức lãi suất là 10%/năm, thời gian chậm trả tiền tính đến ngày xét xử là 12 tháng 21 ngày. Lãi suất được tính như sau: $(2.755.479.250 \text{ đồng} \times 10\%/1 \text{ năm}) + (2.755.479.250 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 21 \text{ ngày}) = 291.621.553 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D phải trả nợ cho ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T số tiền nợ gốc là 2.755.479.250 đồng và lãi là 291.621.553 đồng, tổng cộng: 3.047.100.803 đ (Ba tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

[3] Xét việc ông K, bà D xin trả dần Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện thi hành án là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D bị buộc trả số tiền 3.047.100.803 đồng nên phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là: 72.000.000 đồng + (2% x 1.047.100.803 đồng) = 92.942.016 đồng.

Hoàn trả cho ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.554.972 đồng theo biên lai số 0004007 ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T.

Buộc ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D phải trả nợ cho ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh Thu T số tiền nợ gốc là 2.755.479.250 đồng và lãi là 291.621.553 đồng, tổng cộng: 3.047.100.803 đ (Ba tỷ không trăm bốn mươi bảy triệu một trăm nghìn tám trăm lẻ ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị D phải nộp án phí sơ thẩm với số tiền là 92.942.016 đ (Chín mươi hai triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn không trăm mười sáu đồng).

- Hoàn trả cho ông Hà Thanh L – Chủ hộ kinh doanh thu Thúc số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.554.972 đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng) theo biên lai số 0004007 ngày 26/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

4. Quyền kháng cáo: Ông Hà Thanh L, ông Trần Văn K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị D, bà Hà Thị Thu T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA DS huyện K ;
- Dương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Diễm